

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH SƠN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST

Ngày 25-5-2022.

V/v “Ly hôn giữa chị M1 và anh H”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH SƠN, TỈNH NINH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Thùy Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Sơn.

2. Bà Quảng Thị Đức Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Minh Trường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 104/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về tranh chấp: “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022 và Thông báo về việc thay đổi ngày xét xử sơ thẩm số 116/2022/TB-TA ngày 13 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Phương M1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: D1 tầng 11, chung cư P, phường M2, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phước H, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

(Nguyên đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Đặng Thị Phương M1 xin xét xử vắng mặt. Tại đơn khởi kiện đề ngày 20-10-2021 và trong quá trình tham gia tố tụng, chị M1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Phước H sau một thời gian tìm hiểu đã tiến đến hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số 54 vào ngày 28/5/2018. Thời gian vợ chồng sống hòa thuận nhưng sau bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, hay cãi vã, hai người hiện không còn sống chung, tình cảm

vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không có. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị xin ly hôn với anh H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là anh Nguyễn Phước H vắng mặt:

Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị M1.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:

1. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

2. Về việc chấp hành pháp luật tố tụng của đương sự:

Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng của mình.

3. Về việc giải quyết vụ án:

Tình trạng hôn nhân của chị M1 và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng. Nay chị M1 xin giải quyết cho ly hôn với anh H, đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm áp dụng: Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M1, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị M1 được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Chị M1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp:

Chị Đặng Thị Phương M1 khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Nguyễn Phước H, hai người không có con chung, không yêu cầu giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là: “Ly hôn”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn – anh Nguyễn Phước H có địa chỉ cư trú tại thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Thuận. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận.

[1.3] *Xử lý về sự vắng mặt của đương sự:*

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn – chị Đặng Thị Phương M1 vắng mặt nhưng quá trình tham gia tố tụng đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn – anh Nguyễn Phước H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do và không có ý kiến trình bày, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận thấy:*

[2.1] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Đặng Thị Phương M1 và anh Nguyễn Phước H tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 54 vào ngày 28/5/2018. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa chị M1 và anh H1 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, giữa anh chị xảy ra mâu thuẫn, chị M1 trình bày nguyên nhân vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hay cãi vã, hai người không còn sống chung, tình cảm không thể hàn gắn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh H.

Quá trình giải quyết, anh H đã được niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án để thông báo cho anh đến Tòa giải quyết nhưng anh vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến trình bày. Điều này chứng tỏ anh không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân của mình, không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị M1. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Qua xác minh tại địa phương cũng thể hiện anh chị vì mâu thuẫn nên không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích trên, đủ cơ sở kết luận: Hôn nhân giữa chị M1 và anh H lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị M1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh H là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và phù hợp với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nên được Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận.

[2.2] *Về con chung:*

Chị M1 và anh H không có con chung nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[2.3] *Về tài sản chung, nợ chung:*

Đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử sơ thẩm không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Đặng Thị Phương M1 phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Chị Đặng Thị Phương M1 và anh Nguyễn Phước H được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ vào Điều 8, 9, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị Phương M1.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị Phương M1 và anh Nguyễn Phước H.

- *Về con chung:* Không có.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

2. Về án phí:

Chị Đặng Thị Phương M1 phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị M1 đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí Tòa án số 0003044 ngày 26/10/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Sơn, tỉnh Ninh Thuận. Chị Đặng Thị Phương M1 đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo và thời hạn kháng cáo:

Nguyên đơn – chị Đặng Thị Phương M1 và Bị đơn – anh Nguyễn Phước H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Sơn;
- Chi cục THADS huyện Ninh Sơn;
- UBND xã Q;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Thị Thùy Dung